

Số: 49/2026/TT-BCT

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2026

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ngành Công Thương

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 11/2022/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 351/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP, Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP và Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP;

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, Nghị định số 83/2026/NĐ-CP và Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ngành Công Thương.

Chương I

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 24/2023/TT-BCT NGÀY 16 THÁNG 11 NĂM 2023 CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ SỬ DỤNG NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điểm, khoản của Điều 3

1. Sửa đổi điểm a khoản 1 như sau:



“a) Xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, cơ chế, chính sách bảo vệ môi trường do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và cấp có thẩm quyền giao cho Bộ Công Thương chủ trì.”.

2. Bãi bỏ điểm k khoản 1.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu

Các nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm tổ chức và thực hiện quy định của pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, chính sách, pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và cấp có thẩm quyền giao cho Bộ Công Thương chủ trì thực hiện; Rà soát, đánh giá các điều ước, thỏa thuận quốc tế, rào cản thương mại về ứng phó với biến đổi khí hậu; Rà soát, đánh giá hiện trạng và đề xuất xây dựng mới hoặc điều chỉnh, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu đối với các ngành, lĩnh vực thuộc chức năng quản lý của ngành Công Thương;

b) Đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu; Các nhiệm vụ, giải pháp và hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro do biến đổi khí hậu; Giám sát, đánh giá, xây dựng báo cáo hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu trong phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

c) Xây dựng, cập nhật và triển khai kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo quy định của pháp luật; Xây dựng, đề xuất, tổ chức đánh giá và báo cáo kết quả triển khai các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương nhằm thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định; Xây dựng hướng dẫn việc lựa chọn, áp dụng biện pháp công nghệ và quản lý để giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với quy mô và ngành, nghề thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương;

d) Xây dựng, cập nhật, ban hành và hướng dẫn quy trình, quy định kỹ thuật về kiểm kê khí nhà kính, đo đạc, báo cáo và thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính thuộc trách nhiệm của ngành Công Thương; Xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu trực tuyến về kiểm kê khí nhà kính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương theo quy định của pháp luật; Điều tra, khảo sát, thống kê số liệu phục vụ đánh giá hiện trạng phát thải khí nhà kính các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Xây dựng, cập nhật hệ số phát thải phục vụ kiểm kê khí nhà kính quốc gia trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

đ) Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, xây dựng báo cáo về ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

e) Triển khai các nhiệm vụ liên quan đến công tác phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho các cơ sở thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và cấp có thẩm quyền giao Bộ Công Thương;

g) Các hoạt động, nhiệm vụ nhằm thúc đẩy và nâng cao năng lực tham gia thị trường tín chỉ các-bon trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

h) Công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

i) Xây dựng, cập nhật và duy trì hoạt động của hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về phát thải khí nhà kính, thích ứng và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ngành Công Thương;

k) Truyền thông, tập huấn, phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật nhằm nâng cao nhận thức về ứng phó với biến đổi khí hậu; Thông tin về các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phát thải khí nhà kính thấp, giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu;

l) Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành và các tổ chức có liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu được cấp có thẩm quyền quyết định; Vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu (nếu có);

m) Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo sự phân công của cấp có thẩm quyền giao Bộ Công Thương.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 4

1. Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Trong Quý I hàng năm, căn cứ vào yêu cầu quản lý, chiến lược, quy hoạch, chương trình mục tiêu, kế hoạch bảo vệ môi trường, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu của quốc gia và của ngành, cơ quan quản lý nhiệm vụ ban hành văn bản hướng dẫn các đơn vị đăng ký nhiệm vụ cho năm tiếp theo. Nội dung hướng dẫn được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Căn cứ quy định hiện hành, văn bản hướng dẫn và hồ sơ đăng ký nhiệm vụ của các đơn vị, cơ quan quản lý nhiệm vụ tổng hợp danh mục nhiệm vụ, rà soát, lựa chọn các nhiệm vụ đáp ứng điều kiện về sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và thành lập Hội đồng tư vấn xét chọn nhiệm vụ trong thời gian không quá 30 ngày kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đăng ký nhiệm vụ.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 như sau:

“b) Hội đồng tư vấn xét chọn nhiệm vụ có trách nhiệm: Tư vấn giúp cơ quan quản lý nhiệm vụ, Bộ Công Thương xác định, lựa chọn các đề xuất cần

thực hiện; Đánh giá, kiến nghị về phạm vi, mục tiêu, nội dung thực hiện, kết quả dự kiến, đơn vị chủ trì thực hiện, kế hoạch thực hiện và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5

“2. Căn cứ quyết định giao nhiệm vụ chi ngân sách của Thủ tướng Chính phủ, quyết định của Bộ Tài chính giao chi tiết nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước (nếu có) từ nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường cho Bộ Công Thương; Căn cứ quyết định của Bộ Công Thương phê duyệt nhiệm vụ của năm kế hoạch, Vụ Kế hoạch - Tài chính trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt và giao dự toán chi sự nghiệp bảo vệ môi trường cho các đơn vị thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 9

1. Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Việc đánh giá kết quả thực hiện ở cấp Bộ được thực hiện trong thời gian không quá 25 ngày kể từ ngày cơ quan quản lý nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị nghiệm thu nhiệm vụ cấp Bộ của cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ.”.

2. Sửa đổi khoản 2 như sau:

“2. Đối với các nhiệm vụ thường xuyên hàng năm quy định tại điểm b, điểm h khoản 1 và tại điểm đ, điểm g, điểm i, điểm k khoản 2 Điều 3 Thông tư này, căn cứ tính chất, nội dung và yêu cầu sản phẩm của nhiệm vụ, cơ quan quản lý nhiệm vụ xem xét trình Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ hoặc xác nhận hoàn thành nhiệm vụ theo quy định tại mẫu B5a-XNNV.”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 11

“Điều 11. Thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ

Căn cứ Hồ sơ đề nghị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chủ trì thực hiện, việc thanh lý hợp đồng đã ký kết được thực hiện trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày cơ quan quản lý nhiệm vụ tiếp nhận đầy đủ sản phẩm đã được chỉnh sửa theo ý kiến của Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ cấp Bộ.

Đối với các nhiệm vụ thường xuyên hàng năm quy định tại điểm b, điểm h khoản 1 và tại điểm đ, điểm g, điểm i, điểm k khoản 2 Điều 3 Thông tư này được cơ quan quản lý nhiệm vụ xác nhận hoàn thành thì văn bản xác nhận hoàn thành nhiệm vụ là căn cứ nghiệm thu, thanh lý nhiệm vụ của cơ quan chủ trì thực hiện.

Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng được quy định tại mẫu B6a-BBTL.”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 12

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Đối với các cơ quan chủ trì thực hiện không thuộc đơn vị dự toán trực thuộc Bộ (đơn vị nhận kinh phí thông qua tài khoản của Cơ quan quản lý nhiệm vụ), Cơ quan quản lý nhiệm vụ chủ trì kiểm tra quyết toán kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường đồng thời tổng hợp vào báo cáo quyết toán của Cơ quan quản lý nhiệm vụ để thẩm định và phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Cơ quan chủ trì thực hiện xây dựng bảng kê quyết toán chứng từ thanh toán theo mẫu B6c-BKQT.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Đối với các cơ quan chủ trì thực hiện không thuộc đơn vị dự toán trực thuộc Bộ (đơn vị nhận kinh phí thông qua tài khoản của Văn phòng Bộ Công Thương), Văn phòng Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì thực hiện kiểm tra quyết toán kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, tổng hợp vào Báo cáo quyết toán của Văn phòng Bộ Công Thương trình Bộ Công Thương thẩm định và phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Cơ quan chủ trì thực hiện xây dựng bảng kê quyết toán chứng từ thanh toán theo mẫu B6c-BKQT.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Đối với các nhiệm vụ thực hiện nhiều năm, cơ quan quản lý nhiệm vụ tiến hành nghiệm thu khối lượng từng năm. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày được Hội đồng cấp Bộ nghiệm thu, cơ quan chủ trì thực hiện có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán kinh phí đã sử dụng trong năm và báo cáo tổng hợp toàn bộ kinh phí nhiệm vụ đã thực hiện.”.

Điều 7. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, biểu mẫu

1. Thay thế một số cụm từ như sau:

a) Thay thế cụm từ “Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững” bằng cụm từ “Cục Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số” tại khoản 5 Điều 2; điểm b khoản 3 và khoản 6 Điều 4; khoản 3 Điều 12; khoản 2 Điều 13; khoản 2 Điều 14;

b) Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 6 Điều 4; khoản 1 Điều 5;

c) Thay thế cụm từ “EESDVietnam@moit.gov.vn” bằng cụm từ “BDKH-MOIT@moit.gov.vn” tại điểm b khoản 3 Điều 4;

d) Thay thế cụm từ “B1b-TMMT đối với các nhiệm vụ bảo vệ môi trường và theo mẫu B1c-TMBĐKH đối với các nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu” bằng cụm từ “B1b-TMĐC” tại điểm c khoản 2 Điều 4;

đ) Thay thế cụm từ “B3a-HĐMT (đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này) và biểu mẫu B3b-HĐBĐKH (đối với các nhiệm vụ quy

định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này)” bằng cụm từ “B3-HĐNV” tại khoản 1 Điều 6.

2. Thay thế, bãi bỏ một số biểu mẫu tại Phụ lục như sau:

a) Thay thế biểu mẫu B1a-ĐXNV ban hành kèm theo Phụ lục Thông tư số 24/2023/TT-BCT bằng biểu mẫu B1a-ĐXNV ban hành kèm theo Phụ lục Thông tư này;

b) Thay thế biểu mẫu Thuyết minh đề cương nhiệm vụ bảo vệ môi trường B1b-TMMT ban hành kèm theo Phụ lục Thông tư số 24/2023/TT-BCT bằng biểu mẫu Thuyết minh đề cương nhiệm vụ B1b-TMĐC ban hành kèm theo Phụ lục Thông tư này;

c) Thay thế biểu mẫu Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường B3a-HĐMT ban hành kèm theo Phụ lục Thông tư số 24/2023/TT-BCT bằng biểu mẫu Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ B3-HĐNV ban hành kèm theo Phụ lục Thông tư này;

d) Thay thế biểu mẫu B4a-BCNV ban hành kèm theo Phụ lục Thông tư số 24/2023/TT-BCT bằng biểu mẫu B4a-BCNV ban hành kèm theo Phụ lục Thông tư này;

đ) Thay thế biểu mẫu B4b-BBKT ban hành kèm theo Phụ lục Thông tư số 24/2023/TT-BCT bằng biểu mẫu B4b-BBKT ban hành kèm theo Phụ lục Thông tư này;

e) Thay thế biểu mẫu Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường B6a-BBTLMT ban hành kèm theo Phụ lục Thông tư số 24/2023/TT-BCT bằng biểu mẫu Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ B6a-BBTL ban hành kèm theo Phụ lục Thông tư này;

g) Thay thế biểu mẫu Bảng kê quyết toán chứng từ thanh toán nhiệm vụ bảo vệ môi trường B6c-QTMT ban hành kèm theo Phụ lục Thông tư số 24/2023/TT-BCT bằng biểu mẫu Bảng kê quyết toán chứng từ thanh toán B6c-BKQT ban hành kèm theo Phụ lục Thông tư này;

h) Bãi bỏ các biểu mẫu: Thuyết minh đề cương nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu B1c-TMBĐKH, Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu B3b-HĐBĐKH, Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu B6b-BBTLBĐKH, Bảng kê quyết toán chứng từ thanh toán nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu B6d-QTBĐKH ban hành kèm theo Phụ lục Thông tư số 24/2023/TT-BCT.

Chương II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 42/2020/TT-BCT NGÀY 30 THÁNG 11 NĂM 2020 CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG QUY ĐỊNH VIỆC KHAI BÁO, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG NGÀNH CÔNG THƯƠNG

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung Điều 4

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Cấp/chấm dứt tài khoản truy cập

Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp tạo lập tài khoản/chấm dứt tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu trong thời gian không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của đơn vị được quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này; đồng thời thông báo kết quả cấp/chấm dứt tài khoản truy cập cho đơn vị đề nghị.”.

2. Bổ sung khoản 5 sau khoản 4 như sau:

“5. Đối với các doanh nghiệp đã được cấp tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu, mà có các thay đổi liên quan đến thông tin doanh nghiệp nhưng vẫn thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 2 của Thông tư thì tiếp tục sử dụng tài khoản truy cập đã được cơ quan quản lý cấp trước đó. Doanh nghiệp có trách nhiệm cập nhật kịp thời các thông tin thay đổi trên hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường hoặc thông báo cho cơ quan quản lý theo quy định để bảo đảm tính chính xác, đầy đủ của dữ liệu.”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9

“3. Trách nhiệm của Cục Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số

Phối hợp với Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp trong việc hỗ trợ kỹ thuật, hạ tầng số, kết nối, vận hành và bảo đảm an toàn thông tin đối với hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương theo chức năng, nhiệm vụ được giao.”.

Điều 10. Thay thế một số cụm từ

1. Thay thế cụm từ “cấp tài khoản” bằng cụm từ “cấp/chấm dứt tài khoản” tại khoản 1 Điều 4; điểm b khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 9 và tại Phụ lục II ban hành kèm Thông tư số 42/2020/TT-BCT.

2. Thay thế cụm từ “Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số” bằng cụm từ “Cục Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số” tại Điều 9.

CHƯƠNG III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục trưởng Cục Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Công Thương để xem xét, giải quyết.

Điều 12. Điều khoản chuyển tiếp

Các nhiệm vụ bảo vệ môi trường và nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu đã được cơ quan quản lý phê duyệt thực hiện trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Thông tư số 24/2023/TT-BCT của Bộ Công Thương.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Bộ Công Thương: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ, Cổng Thông tin điện tử Bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, PC, ATMT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trương Thanh Hoài

[Handwritten mark]



PHỤ LỤC**DANH MỤC BIỂU MẪU**

(Ban hành kèm theo Thông tư số **49** /2026/TT-BCT ngày **12** tháng **9** năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Biểu mẫu	Ký hiệu
1	Danh mục tổng hợp đề xuất nhiệm vụ	B1a-ĐXNV
2	Thuyết minh đề cương nhiệm vụ	B1b-TMĐC
3	Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ	B3-HĐNV
4	Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ	B4a-BCNV
5	Biên bản kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ	B4b-BBKT
6	Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ	B6a-BBTL
7	Bảng kê quyết toán chứng từ thanh toán	B6c-BKQT

Tên cơ quan chủ trì thực hiện

DANH SÁCH ĐỀ XUẤT CÁC NHIỆM VỤ...(*)
NĂM(năm kế hoạch)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên nhiệm vụ, dự án (Sắp xếp theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống)	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Đơn vị thực hiện	Thời gian		Tổng kinh phí	Kinh phí năm... (năm kế hoạch)	Ghi chú
							Bắt đầu	Kết thúc			
1.											
2.											
3.											
...											
TỔNG											

Ghi chú:
 Kèm theo Danh sách đề xuất các nhiệm vụ năm kế hoạch là thuyết minh đề cương từng nhiệm vụ theo mẫu B1b-TMĐC.
 (*): Nhiệm vụ bảo vệ môi trường hoặc nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu.

BỘ CÔNG THƯƠNG
(TÊN CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN)

**THUYẾT MINH ĐỀ CƯƠNG
NHIỆM VỤ(*)**

Tên nhiệm vụ:

Địa danh, năm

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHIỆM VỤ

1. Tên nhiệm vụ	2. Mã số:.....	
3. Quản lý nhiệm vụ		
3.1. Cơ quan quản lý nhiệm vụ		
Tên cơ quan:		
Địa chỉ:		
Điện thoại:		
Email:..		
3.2. Cơ quan chủ trì thực hiện		
Tên cơ quan:		
Điện thoại:	Fax:	
Địa chỉ:		
Họ và tên thủ trưởng cơ quan:		
Số tài khoản:		
Ngân hàng:		
3.3. Chủ trì nhiệm vụ		
Họ và tên:		
Học hàm/Học vị:		
Chức vụ:		
Điện thoại:		
Cơ quan:	Nhà riêng: Mobile:	
Fax:	E-mail:	
Tên cơ quan đang công tác:		
Địa chỉ cơ quan:		
Địa chỉ nhà riêng:		
3.4. Tổ chức, cá nhân phối hợp thực hiện		
TT	Tên tổ chức/cá nhân	Địa chỉ
1		
2		
3		
4. Thời gian thực hiện		
Từ tháng...../20..... đến tháng...../20...		
5. Dự kiến kinh phí		
Tổng kinh phí:..... triệu đồng, trong đó:		
Nguồn	Tổng số (triệu đồng)	
- Từ ngân sách nhà nước		
- Từ nguồn tự có của cơ quan chủ trì thực hiện		
- Từ nguồn khác		

6. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết phải thực hiện

6.1. Căn cứ pháp lý lập nhiệm vụ (nêu các văn bản pháp lý liên quan đến nhiệm vụ)

6.2. Sự cần thiết phải thực hiện nhiệm vụ (nêu khái quát những thông tin cơ bản, mới nhất về tình hình nghiên cứu, triển khai trong và ngoài nước; thể hiện sự am hiểu và nắm bắt được thông tin về lĩnh vực thực hiện; nêu rõ quan điểm của tác giả về tính cấp thiết của nhiệm vụ v.v...)

7. Phạm vi, quy mô**8. Địa điểm dự kiến thực hiện****II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA NHIỆM VỤ****9. Mục tiêu của nhiệm vụ****9.1. Mục tiêu dài hạn****9.2. Mục tiêu ngắn hạn****10. Phương pháp thực hiện**

11. Nội dung thực hiện (liệt kê những nội dung trọng tâm để thực hiện mục tiêu của nhiệm vụ, mô tả các bước thực hiện để giải quyết vấn đề đặt ra, mô tả các sản phẩm trung gian theo từng nội dung, sản phẩm cuối cùng của nhiệm vụ, v.v...)

12. Tiến độ thực hiện (phù hợp với những nội dung đã nêu tại mục 11)

TT	Nội dung (Phân công việc thực hiện)	Thời gian		Sản phẩm phải đạt
		Bắt đầu	Kết thúc	
1	Xây dựng đề cương			
2	Nội dung trọng tâm (phù hợp với những nội dung đã nêu tại mục 11)			
...	Xây dựng báo cáo tổng hợp			
...	Nghiệm thu cấp cơ sở			
...	Nghiệm thu cấp Bộ			

13. Dự kiến kết quả sản phẩm, địa chỉ bàn giao sử dụng

TT	Tên sản phẩm	Địa chỉ bàn giao sử dụng
1		
2		
3		

III. DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN VÀ NGUỒN KINH PHÍ

Năm thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn (triệu đồng)	
		Sự nghiệp bảo vệ môi trường (SNMT)	Nguồn khác
Tổng cộng:			

Chi tiết nội dung thực hiện và dự toán kinh phí như sau:

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	CHI PHÍ (đồng)		GHI CHÚ
		SNMT	Nguồn khác	
1	Lập nhiệm vụ (nếu có)			
2	Chi phí thực hiện			Phụ lục A
3	Chi báo cáo tổng kết			
4	Chi khác			Phụ lục A
	TỔNG CỘNG			Cộng 1, 2, 3, 4

PHỤ LỤC A. CHI PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)		Căn cứ áp dụng
					SNMT	Nguồn khác	
I	Chi phí lập nhiệm vụ (nếu có)						
II	Chi phí trực tiếp						
1	<i>Chi phí nhân công</i>						
2	<i>Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ, năng lượng, nhiên liệu, khấu hao tài sản cố định (nếu có)</i>						
III	Chi phí quản lý chung						
IV	Chi báo cáo tổng kết nhiệm vụ						
V	Chi khác						
	Tổng cộng (I+II+III+IV+V)						

Chủ trì nhiệm vụ
(Họ tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng..... năm 20..
Thủ trưởng cơ quan chủ trì thực hiện
(Ký tên và đóng dấu)

Hà Nội, ngày tháng năm 20..
Cơ quan quản lý nhiệm vụ
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(*) Ghi rõ là Nhiệm vụ bảo vệ môi trường hoặc Nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu

(1) Đối với các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu có nội dung mua sắm vật tư, nguyên liệu, thiết bị để sản xuất thí điểm/ứng dụng thử nghiệm... thì phải nêu rõ các tiêu chí/thông số/yêu cầu kỹ thuật của vật tư, nguyên liệu, thiết bị.

(2) Đối với các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và các nguồn khác, cơ quan chủ trì phải phân khai cụ thể các hạng mục, nội dung chi và dự toán cho từng nguồn tương ứng, bảo đảm đúng quy định hiện hành về tài chính (Phần dự toán có thể tách riêng thành Phụ lục và lập dưới dạng bảng tính Excel).

BỘ CÔNG THƯƠNG
CƠ QUAN QUẢN LÝ NHIỆM VỤ ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /HĐ-...(*)

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

HỢP ĐỒNG
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ⁽²⁾ NĂM 20...
Tên Nhiệm vụ/Dự án....

Căn cứ Bộ luật Dân sự số ...;

Căn cứ Thông tư số 24/2023/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2023 quy định về quản lý, thực hiện các nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Công Thương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số..../2026/TT-BCT ngày... tháng...năm 2026;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-BCT ngày.... tháng...năm 20.. của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của....⁽³⁾;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-BCT ngày.....tháng..... năm 20.. của Bộ Công Thương về phê duyệt nhiệm vụ...⁽⁴⁾ năm 20...;

Căn cứ nhu cầu và năng lực hai bên.

Chúng tôi gồm:

1. Bên giao (Bên A)⁽⁵⁾

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Số tài khoản:

Tại Kho bạc:...

Mã số ĐVQHNS:....

Đại diện:

Chức vụ:

2. Bên nhận (Bên B): Tên cơ quan chủ trì thực hiện⁽⁶⁾

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Số tài khoản:

Tại Kho bạc:...

Mã số ĐVQHNS:....

Đại diện:

Chức vụ:

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ (bảo vệ môi trường/ứng phó với biến đổi khí hậu) (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung thực hiện

Bên B cam kết thực hiện nhiệm vụ/dự án...

Nội dung, tiến độ, thời gian thực hiện và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ/dự án được nêu chi tiết trong Thuyết minh đề cương đính kèm Hợp đồng.

(Thuyết minh đề cương nhiệm vụ/dự án đã được phê duyệt kèm theo là phần không tách rời của Hợp đồng này).

Điều 2. Kinh phí và thời gian thực hiện Hợp đồng

Kinh phí được cấp từ ngân sách nhà nước để thực hiện Hợp đồng là: ... đồng (Bằng chữ: ...).

Thời gian thực hiện Hợp đồng: Từ tháng/20... đến tháng.../20...

Điều 3. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A

1. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng theo quy định hiện hành.
2. Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết các kiến nghị của Bên B khi có phát sinh.
3. Được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và thu hồi kinh phí đã cấp theo quy định trong các trường hợp sau:
 - Bên B không đủ khả năng thực hiện Hợp đồng hoặc cố tình dấy đưa không thực hiện Hợp đồng và không báo cáo khi được Bên A yêu cầu.
 - Bên B thực hiện không đúng nội dung được phê duyệt trong Thuyết minh đề cương; sử dụng kinh phí không đúng mục đích.
4. Bảo mật các sản phẩm của nhiệm vụ, dự án và cung cấp thông tin theo quy định hiện hành.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B

1. Thực hiện đúng, đủ nội dung công việc được nêu trong Thuyết minh đề cương đã được phê duyệt.
2. Chấp hành các quy định pháp luật và yêu cầu của cơ quan quản lý trong quá trình thực hiện Hợp đồng; gửi báo cáo giữa kỳ và báo cáo đột xuất (nếu có) về tình hình thực hiện nhiệm vụ cho Bên A theo yêu cầu.
3. Hoàn thành các thủ tục nghiệm thu, thanh quyết toán tài chính theo đúng tiến độ của Hợp đồng và nộp các sản phẩm, kết quả của nhiệm vụ cho Bên A theo quy định.
4. Báo cáo kịp thời với Bên A các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện và đề xuất các kiến nghị điều chỉnh cần thiết để Bên A xem xét, giải quyết.

Điều 5. Phương thức nghiệm thu, thanh toán

Hết thời gian thực hiện Hợp đồng, Bên B giao cho Bên A sản phẩm và Bản quyết toán Hợp đồng.

Bên A sẽ tổ chức đánh giá, nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng theo các quy định hiện hành.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Nếu có yêu cầu cần thay đổi, hoặc có vi phạm Hợp đồng, hai bên sẽ thỏa thuận giải quyết, trong trường hợp không thỏa thuận được hai bên nhất trí theo phân xử của Tòa án Thành phố Hà Nội để giải quyết.

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký, được lập thành 06 bản có giá trị như nhau mỗi bên giữ 03 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B⁽⁷⁾
(Chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)

VĂN PHÒNG BỘ CÔNG THƯƠNG
(Chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)
(Đối với nhiệm vụ chuyển dự toán qua
Văn phòng Bộ Công Thương)

Ghi chú:

(*) Đối với Nhiệm vụ bảo vệ môi trường, ký hiệu là MT/ Đối với Nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu, ký hiệu là BĐKH.

(1) Đối với Nhiệm vụ bảo vệ môi trường, Cơ quan quản lý nhiệm vụ là Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp / Đối với Nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu, Cơ quan quản lý là Cục Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số.

(2) Ghi rõ nhiệm vụ Bảo vệ môi trường hoặc Ứng phó với biến đổi khí hậu.

(3) Ghi rõ tên Cơ quan quản lý nhiệm vụ.

(4) Ghi rõ nhiệm vụ Bảo vệ môi trường hoặc Ứng phó với biến đổi khí hậu.

(5) Ghi rõ tên Cơ quan quản lý nhiệm vụ.

(6) Ghi rõ tên Cơ quan quản lý nhiệm vụ. Đối với các cơ quan chủ trì thực hiện là đơn vị dự toán thông qua Văn phòng Bộ, bên B gồm thông tin của cơ quan chủ trì thực hiện và Văn phòng Bộ.

(7) Đối với các cơ quan thực hiện nhiệm vụ là đơn vị dự toán thông qua Bộ, phần đại diện bên B gồm phần ký tên đóng dấu của Văn phòng Bộ và cơ quan chủ trì thực hiện.

CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ⁽¹⁾ ...

1. Thông tin chung

1.1. Tên nhiệm vụ/dự án:

Số Hợp đồng:

1.2. Chủ trì nhiệm vụ:

Điện thoại:

Email:

1.3. Cơ quan chủ trì thực hiện:

Địa chỉ:

Điện thoại:

1.4. Thời gian thực hiện:

Từ tháng năm 20 đến tháng ... năm 20

1.5. Tổng kinh phí của nhiệm vụ:

Kinh phí được giao theo năm kế hoạch:

2. Tình hình thực hiện tính tới thời điểm báo cáo (Báo cáo theo nội dung, tiến độ tại mục số 11, 12 phần II trong Thuyết minh đề cương thực hiện nhiệm vụ đã được phê duyệt)

2.1 Nội dung đã hoàn thành

TT	Nội dung	Sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Kinh phí
	Nội dung 1				
	Nội dung 2				
	...				
	...				
Tổng cộng					

2.2 Nội dung chậm so với tiến độ (nếu có)

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Kinh phí	Nguyên nhân
	Nội dung 1				
	Nội dung 2				
					
Tổng cộng					

2.3. Tình hình sử dụng kinh phí:

- Số kinh phí được cấp từ ngân sách đến ngày báo cáo/tổng kinh phí được cấp
- Tổng số kinh phí từ ngân sách đã sử dụng, kèm theo bảng kê chứng từ
- Tổng số kinh phí đã xác nhận thanh toán⁽²⁾
- Số kinh phí đã sử dụng từ nguồn khác:
- + Tình hình mua sắm sử dụng trang thiết bị phục vụ thực hiện nhiệm vụ (nếu có)
- + Kiểm tra chứng từ, xác nhận kinh phí thực chi và quyết toán

3. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ tiếp theo và kiến nghị

3.1. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ tiếp theo

Xây dựng theo mẫu tại mục số 12, Phần II trong Thuyết minh đề cương thực hiện nhiệm vụ.

Kế hoạch khắc phục, xử lý các tồn tại, vướng mắc, chậm tiến độ (nếu có).

3.2. Khó khăn, vướng mắc

Nêu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ

3.3. Kiến nghị

- Nêu các kiến nghị và giải pháp để hoàn thành các nội dung còn lại theo năm kế hoạch.

Thủ trưởng cơ quan chủ trì thực hiện
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chủ trì nhiệm vụ
(ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Ghi rõ nhiệm vụ Bảo vệ môi trường hoặc Ứng phó với biến đổi khí hậu.
- (2) Đối với trường hợp đơn vị nhận kinh phí thông qua tài khoản của cơ quan quản lý nhiệm vụ.

BỘ CÔNG THƯƠNG
CƠ QUAN QUẢN LÝ NHIỆM VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ...(*)

I. Thông tin chung

1.1. Tên nhiệm vụ/dự án:

Số Hợp đồng:

1.2. Cơ quan chủ trì thực hiện:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

1.3. Chủ trì nhiệm vụ:

1.4. Thời gian và địa điểm kiểm tra:

- Thời gian:

- Địa điểm:

II. Thành phần Đoàn kiểm tra:

.....
.....

III. Đại diện Cơ quan chủ trì thực hiện:

Đại diện lãnh đạo cơ quan:

Chủ trì nhiệm vụ:

Các thành viên tham gia:

IV. Tài liệu phục vụ công tác kiểm tra:

1. Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ (B4a-BCNV);
2. Các sản phẩm của nhiệm vụ đến kỳ báo cáo;
3. Bảng kê chứng từ tương ứng với số kinh phí đơn vị đã sử dụng;
4. Các chứng từ kèm theo;
5. Các tài liệu khác (nếu có).

V. Nội dung kiểm tra:

1. Về nội dung và tiến độ thực hiện (nội dung và các sản phẩm):
 - Nội dung, sản phẩm đã hoàn thành theo thuyết minh đề cương đã phê duyệt;
 - Nội dung, sản phẩm chưa hoàn thành theo thuyết minh đề cương đã phê duyệt;
 - Tiến độ triển khai trong thời gian tiếp theo đối với các sản phẩm chưa hoàn thành.

2. Về sử dụng kinh phí:

- Tình hình sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ đến thời điểm kiểm tra:
- + Số kinh phí được cấp từ ngân sách đến ngày báo cáo/tổng kinh phí được cấp:
- + Số kinh phí từ ngân sách đã sử dụng:
- + Số kinh phí đã sử dụng từ nguồn khác:
- Tình hình mua sắm, sử dụng trang thiết bị phục vụ thực hiện nhiệm vụ (nếu có)
- Kiểm tra chứng từ, xác nhận kinh phí thực chi và quyết toán.

VI. Các ý kiến trao đổi thảo luận

1. Ý kiến của thành viên Đoàn kiểm tra:
2. Ý kiến giải trình và kiến nghị của Cơ quan chủ trì thực hiện và Chủ trì nhiệm vụ:

VII. Kết luận và Kiến nghị của Đoàn kiểm tra

1. Đánh giá về nội dung thực hiện:
2. Đánh giá về tiến độ thực hiện:
3. Ý kiến về việc triển khai thực hiện các nội dung công việc tiếp theo của nhiệm vụ:
4. Ý kiến về các kiến nghị của Cơ quan chủ trì thực hiện và Chủ trì nhiệm vụ:
5. Ý kiến khác (nếu có):

Biên bản này được làm thành 03 Bản: Cơ quan quản lý giữ 01 bản, Cơ quan chủ trì thực hiện giữ 01 bản và Chủ trì nhiệm vụ giữ 01 bản.

....., ngày.....tháng .. năm 20.....

Đại diện Cơ quan chủ trì thực hiện
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu (nếu có))

Đại diện Đoàn kiểm tra
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu (nếu có))

Chủ trì nhiệm vụ
(Ký và ghi rõ họ tên)

(*) Ghi rõ nhiệm vụ Bảo vệ môi trường hoặc nhiệm vụ Ứng phó với biến đổi khí hậu

B6a-BBTL

BỘ CÔNG THƯƠNG
CƠ QUAN QUẢN LÝ NHIỆM VỤ⁽¹⁾CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TLHD

....., ngày.... tháng... năm 20.....

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ ⁽²⁾ NĂM 20...****Tên Nhiệm vụ/Dự án...**

Căn cứ Quyết định số..../QĐ-BCT ngày.....tháng....năm 20.. của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt nhiệm vụ 20...;

Căn cứ Hợp đồng sốngày tháng năm 20..... giữa Cơ quan quản lý nhiệm vụ⁽¹⁾ với....(Tên cơ quan chủ trì thực hiện);

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ cấp Bộ năm 20... /Văn bản xác nhận hoàn thành nhiệm vụ số....ngày....tháng...năm 20...của nhiệm vụ/dự án.... ;

Hôm nay, tại,

Chúng tôi gồm:

1. Bên giao (Bên A): ⁽³⁾ Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Số tài khoản:

Tại Kho bạc: ...

Mã số ĐVQHNS:....

Đại diện:

Chức vụ:

2. Bên nhận (Bên B): Tên cơ quan chủ trì thực hiện⁽⁴⁾

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Số tài khoản:

Tại Kho bạc: ...

Mã số ĐVQHNS:....

Đại diện:

Chức vụ:

Hai bên thỏa thuận nghiệm thu và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ (bảo vệ môi trường/ ứng phó với biến đổi khí hậu) với các nội dung sau:

1. Quá trình thực hiện Hợp đồng

Bên B đã hoàn thành nhiệm vụ theo đúng nội dung đã cam kết.

2. Kết quả thực hiện Hợp đồng

- Kết quả đánh giá của Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ (bảo vệ môi trường/ứng phó với biến đổi khí hậu) cấp Bộ năm...: Thống nhất nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ (có Biên bản họp Hội đồng kèm theo).

- Sản phẩm giao nộp theo đúng yêu cầu tại Điều 1 của Hợp đồng.

3. Hoàn thành thủ tục tài chính

- Tổng kinh phí được duyệt:

- Tổng kinh phí đề nghị quyết toán:

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Bên B cam kết không vi phạm các quy định chung, hoàn thành các thủ tục tài chính theo quy định (có kèm theo báo cáo quyết toán tài chính).

Với các nội dung nghiệm thu như trên, hai bên thống nhất thanh lý Hợp đồng số/HĐ- ngày tháng năm 20....

Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng này được lập thành 06 bản, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B⁽⁵⁾

(Chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)

VĂN PHÒNG BỘ CÔNG THƯƠNG

(Chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)

(Đối với nhiệm vụ chuyển dự toán qua Văn phòng Bộ Công Thương)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ tên Cơ quan quản lý nhiệm vụ.

(2) Ghi rõ Nhiệm vụ Bảo vệ môi trường hoặc Nhiệm vụ ứng phó với Biến đổi khí hậu.

(3) Ghi rõ tên Cơ quan quản lý nhiệm vụ.

(4) Đối với các cơ quan chủ trì thực hiện là đơn vị dự toán thông qua Văn phòng Bộ, bên B gồm thông tin của cơ quan chủ trì thực hiện và Văn phòng Bộ.

(5) Đối với các cơ quan thực hiện nhiệm vụ là đơn vị dự toán thông qua Bộ, phần đại diện bên B gồm phần ký tên đóng dấu của Văn phòng Bộ và cơ quan chủ trì thực hiện.

BẢNG KÊ QUYẾT TOÁN CHỨNG TỪ THANH TOÁN
(Dành cho đơn vị nhận kinh phí thực hiện nhiệm vụ thông qua tài khoản của cơ quan quản lý nhiệm vụ)

Tên Nhiệm vụ/Dự án:...

Cơ quan chủ trì thực hiện:

Hợp đồng số ... ngày ... tháng ... năm ...

Kinh phí thực hiện: đồng

Đơn vị tính: đồng

TT	Chứng từ		Mã số Tiêu mục	Nội dung	Kinh phí		Ghi chú
	Số	Ngày			Kinh phí NSNN	Từ nguồn khác	
1							
2							
...							
				Tổng cộng			

Bằng chữ: ...

....., ngày ... tháng ... năm 20..

Thủ trưởng đơn vị

Chủ trì nhiệm vụ

Kế toán trưởng

Duyệt quyết toán của Cơ quan quản lý nhiệm vụ

